

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2977/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 6 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn
giai đoạn 2013 - 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động số 43-CTr/TU ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Xét Tờ trình số 04/TTr-BQL ngày 03 tháng 5 năm 2013 của Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn về việc phê duyệt Đề án Nông thôn mới xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn giai đoạn 2013 - 2015 có ý kiến phê duyệt của Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn, ý kiến đề xuất của Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố tại Thông báo số 216/TB-TCT-PTNT ngày 21 tháng 8 năm 2012; đề xuất của Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính tại Tờ trình số 858/TTr-NNPTNT-KHĐT-TC ngày 17 tháng 5 năm 2013 về phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn giai đoạn 2013 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn giai đoạn 2013 - 2015 *(theo nội dung đề án đính kèm)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh thay đổi về cơ chế, chính sách đầu tư xã nông thôn mới, Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tân Thới Nhì nghiên cứu, đề xuất kịp thời điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải và

các Sở, ngành liên quan, Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Trưởng Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tân Thới Nhì và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

Xây dựng nông thôn mới xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn giai đoạn 2013 - 2015

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2977/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Phần I

THỰC TRẠNG NÔNG THÔN XÃ TÂN THỚI NHÌ - HUYỆN HÓC MÔN

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1. Đặc điểm tự nhiên

a) Vị trí địa lý

- Xã Tân Thới Nhì - huyện Hóc Môn nằm về phía Tây Bắc của ngoại thành Thành phố Hồ Chí Minh, cách trung tâm thành phố khoảng 18 km.

- Ranh giới hành chính được xác định như sau:

+ Bắc giáp xã Tân Phú Trung, huyện Hóc Môn.

+ Đông giáp xã Tân Hiệp, Thị Trấn Hóc Môn.

+ Nam giáp xã Xuân Thới Sơn.

+ Tây giáp xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

- Xã Tân Thới Nhì có đường giao thông xuyên suốt đến thành phố, thuận lợi cho việc sản xuất, kinh doanh, hàng hoá nông sản dễ tiếp cận thị trường, đồng thời giảm chi phí vận chuyển.

b) Diện tích tự nhiên

- Diện tích tự nhiên: 1.727,80 ha, chiếm 13,75% diện tích tự nhiên của huyện.

- Xã Tân Thới Nhì được chia làm 8 ấp: Nhì Tân, Nhì Tân 1, Nhì Tân 2, Thống Nhất 1, Thống Nhất 2, Dân Thắng 1, Dân Thắng 2 và Tân Lập.

2. Nhân lực

a) Dân số

- Tổng số nhân khẩu của xã là: 24.662 người. Trong đó, nữ: 12.616 người - chiếm 51,15%, nam: 12.046 người - chiếm 48,85%. Mật độ dân số bình quân 1.427 người/km². So với các xã khác trên địa bàn huyện thì mật độ bình quân người/k m² là tương đối thấp, nguyên nhân do hơn 70% diện tích tự nhiên trên địa bàn xã đang thuộc các dự án quy hoạch: dự án An Phú Hưng, dự án khu đô thị Tây Bắc và Đại học Berjaya. Toàn xã có 6.571 hộ, trong đó có 17 hộ dân tộc Hoa, 7 hộ dân tộc khác.

b) Lao động

- Lao động của xã có 16.812 người. Trong đó, lao động nữ là: 8.495 người, lao động nam là: 8.316 người.

- Số người trong độ tuổi lao động chiếm 68,16% dân số. Trên địa bàn xã có cụm công nghiệp là thị trường thu hút lực lượng lao động từ các địa phương, trong đó xã Tân Thới Nhì có lợi thế hơn hẳn. Như vậy, với kết cấu dân số trẻ, nhân lực của xã có khả năng đáp ứng sự phát triển, góp phần xây dựng địa phương giàu mạnh hơn.

II. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Quy hoạch

a) Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

Hiện nay trên địa bàn huyện đã có 1 quy hoạch tổng thể 1/5000 được Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố phê duyệt ngày 21 tháng 8 năm 2010 thay thế cho quy hoạch tổng thể 1/10.000 và xã hiện đang căn cứ thực hiện theo quy hoạch này.

b) Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có trên địa bàn xã: Hiện nay trên địa bàn xã có 5 đồ án quy hoạch 1/2000, đã được phê duyệt nhiệm vụ với diện tích 1.691 ha.

2. Hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Giao thông

- Xã Tân Thới Nhì có tuyến đường Quốc lộ 22 đi qua, các tuyến chính Hương lộ 60, Dương Công Khi, Đặng Công Bình là các tuyến huyết mạch, các tuyến này thông ra quốc lộ và đi về các tỉnh lân cận thành phố như Tây Ninh, Long An. Đây là

các tuyến đường giao thông quan trọng nhất cho phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của xã.

- Mạng lưới giao thông trên địa bàn xã ngày càng được nâng cấp, mở rộng, hiện tại tổng số tuyến đường giao thông của xã là 201 tuyến, tổng chiều dài: 64 km. Trong đó:

- + Tuyến đường trục xã, liên xã: 24,6 km gồm 11 tuyến. Đã được nhựa hóa: 24,6 km;
- + Tuyến đường trục ấp, liên ấp: 19,1 km gồm 21 tuyến. Đã được nhựa hóa: 9,7 km;
- + Các tuyến trong xóm và nội ấp: 12,1 km gồm 163 tuyến. Đã được cứng hóa và không lầy lội vào mùa mưa: 2,8 km;
- + Các tuyến nội đồng: 8,2 km gồm 6 tuyến. Đã được cứng hóa 8,2 km.

b) Thủy lợi

- Các tuyến kênh nội đồng thuộc khu vực ấp Nhị Tân 2 và ấp Tân Lập hiện nay chưa được nạo vét đắp bờ bao để phục vụ sản xuất nông nghiệp gồm 6 tuyến kênh chính là: AH1, AH1B, AH3, AH3A, AH5 và Kênh dẫn Trạm bơm Tân Thới Nhì. Các tuyến còn lại vai trò chủ yếu phục vụ cho việc tiêu thoát nước chống ngập.

- Trong định hướng phát triển của xã, một số kênh nằm trong quy hoạch khu dân cư nên cần thiết phải nạo vét đắp bờ bao hoặc xây dựng hệ thống thoát nước kiên cố nhằm đáp ứng nhu cầu thoát nước cho khu dân cư sau này. Ngoài ra một số tuyến đường nằm dọc theo các kênh cần được nâng cấp để kết hợp phục vụ cho giao thông nội đồng và đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa, nông sản cho nhân dân trong khu vực.

c) Điện

- Số trạm biến áp trên địa bàn xã Tân Thới Nhì có 96 trạm với công suất 25.823KVA.

- Đường dây trung thế: 27,7 km.
- Đường dây hạ thế: 27,3 km.
- Bóng đèn chiếu sáng: 592 bóng.
- Tỷ lệ hộ dùng điện: 100%.

- Toàn dân trong xã đều được cung cấp điện phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh... Hệ thống điện trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện

và đã phủ kín trên địa bàn xã. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên an toàn từ các nguồn đạt 100%.

d) Trường học

* Trường mầm non:

+ Hiện xã có 1 trường mầm non công lập Hướng Dương đạt chuẩn ở ấp Thống Nhất 2 với tổng diện tích: 8.000 m², tổng số phòng học: 22 phòng.

+ Ngoài ra trên địa bàn xã có 3 trường mầm non tư thục, đáp ứng được một phần nhu cầu của các gia đình có con em trong độ tuổi mầm non. Nhưng phần lớn thu nhập của nhân dân trong xã không cao nên việc cho trẻ đến lớp mẫu giáo tư thục không nhiều vì học phí của những lớp này thường cao hơn rất nhiều so với trường mẫu giáo công lập.

* Trường tiểu học:

Trên địa bàn xã hiện có 2 trường tiểu học. Gồm:

+ Trường Tiểu học Nhị Tân, với 1 cơ sở chính và 4 phân hiệu. Tổng diện tích: 4.000 m², gồm 19 phòng học. Cơ sở vật chất của trường đang trong giai đoạn xuống cấp. Hiện nay đang có kế hoạch xây mới đạt theo tiêu chuẩn quốc gia với tổng kinh phí 107 tỷ đồng, năng lực thiết kế 45 phòng học, 2.250 học sinh trên khuôn viên khu đất khoảng 11.501 m² theo Quyết định số 3982/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2011, nguồn vốn xổ số kiến thiết, nguồn vốn ngân sách tập trung và vốn viện trợ phát triển (ODA). Hiện đang trong giai đoạn lập dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và lập dự án xây dựng.

+ Trường Tiểu học Lý Chính Thắng 2, với tổng diện tích: 4.351,92 m² gồm 17 phòng học và 1 phòng chức năng. Hiện Trường Tiểu học Lý Chính Thắng 2 đã được phê duyệt dự án đầu tư xây dựng theo Quyết định số 2570/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp, mở rộng Trường Tiểu học Lý Chính Thắng 2 với tổng kinh phí đầu tư xây dựng khoảng 74,5 tỷ đồng với tổng diện tích sàn: 6.591,85 m²; với quy mô 1 hầm, 1 trệt, 3 lầu, 37 phòng học và các phòng chức năng.

* Trường trung học cơ sở: Xã có 1 Trường Trung học cơ sở Lý Chính Thắng 1. Tổng số diện tích trường: 8.560 m². Tổng số phòng học là: 25. Cơ sở vật chất của trường đã đạt chuẩn quốc gia. Do số lượng học sinh theo học trong thời gian tới tăng

nhanh, số lượng phòng học hiện có của trường không đáp ứng đủ nhu cầu học tập. Vì vậy theo quy hoạch chung của huyện sẽ xây thêm trường trung học cơ sở để đảm bảo điều kiện học tập trong thời gian tới.

đ) Cơ sở vật chất văn hóa

Xã Tân Thới Nhì chưa có Trung tâm Văn hóa Thể thao phục vụ cho đời sống văn hóa tinh thần, hoạt động thể thao cho người dân. Các ấp đều có trụ sở, là nơi hoạt động, làm việc và hội họp của Ban nhân dân ấp, đoàn thể, chi tổ hội... tuy nhiên các trụ sở này đều nhỏ hẹp, xuống cấp cần nâng cấp và xây mới để làm điểm sinh hoạt văn hoá thay cho nhà văn hóa ấp.

e) Chợ

- Trên địa bàn xã chỉ có 1 chợ Tân Thới Nhì là nơi mua bán, kinh doanh chính của xã, nằm trên tuyến đường Quốc lộ 22. Theo định hướng phát triển chung của huyện cần di dời chợ Tân Thới Nhì (do diện tích nhỏ, chật hẹp), xây mới tại vị trí khác rộng và khang trang hơn.

g) Bưu chính - viễn thông

- Trên địa bàn xã có các điểm phục vụ bưu chính viễn - thông hầu hết được tư nhân đầu tư và tương đối đáp ứng được nhu cầu của người dân. Hiện nay xã có 20 điểm kinh doanh Internet của tư nhân. Đường truyền Internet đã phân bố rộng trên địa bàn 8 ấp của xã.

- Về hệ thống thông tin liên lạc: toàn xã có 19.500 điện thoại di động/24.662 dân, số điện thoại cố định là 3.500 cái/6.571 hộ. Tổng số máy vi tính là 2.500 cái, số vi tính kết nối internet là 1.500 máy. Thông tin liên lạc của xã tương đối thuận lợi cơ bản đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và nhân dân, người dân tiếp cận được với phương tiện hiện đại và mở rộng như Internet khá dễ dàng.

h) Nhà ở dân cư nông thôn

- Xã Tân Thới Nhì có tỷ lệ nhà xây dựng kiên cố đạt khoảng 98% nhà cấp 4, còn lại là nhà cấp 2, cấp 3 và nhà dân đang xuống cấp. Hiện nay số nhà tạm bợ còn lại trên địa bàn xã là khoảng 80 căn.

- Nhìn chung, người dân tại xã Tân Thới Nhì đã sinh sống tại đây từ rất lâu đời. Đất đai, nhà cửa từ tổ tiên để lại, nên phần lớn chưa chuyển mục đích sử dụng đất. Việc xây dựng, sửa chữa lại nhà ở cũng mang tính tự phát, chưa theo quy hoạch nhất định. Do đó, ảnh hưởng đến mỹ quan chung của đô thị tương lai. Trong thời gian tới,

chính quyền xã sẽ đẩy mạnh hơn nữa trong công tác tuyên truyền, quản lý sử dụng đất theo quy hoạch cũng như trong việc xem xét, cấp phép xây dựng cho người dân.

3. Thực trạng kinh tế và tổ chức sản xuất

a) Thu nhập

- Cơ cấu kinh tế hiện nay của xã: **Công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp - Thương mại, dịch vụ - Nông nghiệp**. Tân Thới Nhì là xã ngoại thành thành phố, song lại là xã có tốc độ đô thị hoá nhanh nên cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng Công nghiệp và Thương mại - dịch vụ, giảm Nông nghiệp. Trong thời gian tới đất nông nghiệp trên địa bàn xã tiếp tục giảm mạnh.

- Thu nhập bình quân/người/năm của xã là: 19.368.000 đồng (năm 2012).

b) Hộ nghèo

So với mức quy định của Trung ương (4,8 triệu đồng/người/năm): xã không còn hộ nghèo. So với chuẩn nghèo của Thành phố (giai đoạn 3, 2010 - 2015) hiện xã có 821/6.571 hộ nghèo, tỷ lệ 12,5%.

c) Tỷ lệ lao động có việc làm

- Tổng số người trong độ tuổi của xã là 16.812 người (chiếm 68,16% dân số). Trong đó nữ là 8.496 người (chiếm tỷ lệ 50,52%), nam là 8.316 người (chiếm tỷ lệ 49,48%). Số lao động đã có việc làm là 15.997 lao động, chiếm 95,15% số người trong độ tuổi lao động. Như vậy số người trong độ tuổi lao động chưa có việc làm là 4,85%.

- Hiện lao động trong lĩnh vực nông nghiệp của xã chiếm 4,78% tổng số lao động toàn xã. Tỷ lệ lao động trong nông nghiệp của xã còn thấp so với các xã khác trên địa bàn huyện, so sánh theo tiêu chí về cơ cấu lao động của vùng Đông Nam bộ (<20%) thì xã đạt. Theo xu hướng phát triển thì lao động trong nông nghiệp sẽ chuyển sang các ngành phi nông nghiệp, đặc biệt là ngành thương mại - dịch vụ vì tiềm năng của ngành này còn tương đối lớn.

d) Hình thức tổ chức sản xuất

- Trang trại: Hiện trên địa bàn xã sản xuất theo quy mô trang trại chưa có.

- Hợp tác xã và tổ hợp tác: Hiện nay trên địa bàn xã Tân Thới Nhì có 4 tổ hợp tác chăn nuôi thỏ với 17 thành viên, chăn nuôi bò sữa, sản xuất rau, câu lạc bộ sinh vật cảnh với 42 thành viên. Tình hình hoạt động của các tổ hợp tác tương đối ổn định, tuy

nhiên vẫn còn một số khó khăn do biến động thị trường ảnh hưởng lớn đến quá trình sản xuất của các tổ, cho nên cần củng cố các tổ hợp tác này để hoạt động ngày càng hiệu quả hơn.

4. Văn hóa - xã hội và môi trường

a) Giáo dục

- Phổ cập giáo dục trung học đạt 95,4% (Trung học cơ sở) được Sở Giáo dục và Đào tạo và Phòng Giáo dục và Đào tạo công nhận, đánh giá: đạt. Công tác phổ cập giáo dục hàng năm của xã được duy trì tốt.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề...) trên 92%. Tỷ lệ xóa mù chữ đạt; Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi: đạt.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo của xã đạt: 35,5%.

b) Y tế

- Trạm Y tế xã Tân Thới Nhì được công nhận chuẩn quốc gia về y tế năm 2010 theo tiêu chuẩn cũ. Hiện đang xuống cấp, cần được đầu tư mới.

Nhân sự tại trạm y tế xã có 1 bác sĩ, 2 y sĩ, 1 điều dưỡng, 1 dược sĩ. Chỉ tiêu kết quả về y tế xã đạt được như: tỷ lệ trẻ được tiêm ngừa trong 6 tháng đầu năm đạt 45,23%, tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi suy dinh dưỡng là 5,81%, phần đầu thực hiện giảm 0,104/1000 tỷ lệ sinh, giảm 0,20% tỷ lệ phụ nữ sinh con thứ 3. Tuy nhiên, cơ sở vật chất của Trạm đang dần xuống cấp, định hướng nâng cấp trạm y tế xã theo chủ trương của huyện và để đảm bảo nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của người dân.

- Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế chiếm tỷ lệ 55%.

c) Xây dựng đời sống văn hóa phong phú lành mạnh

- Xã hiện có 8/8 ấp ra mắt Ban chủ nhiệm xây dựng ấp văn hóa. Các ấp này hoạt động rất tích cực trong việc xây dựng và giữ vững mục tiêu ấp văn hóa. Đời sống văn hóa của nhân dân xã Tân Thới Nhì đang dần được cải thiện và tốt hơn. Các trang thiết bị đồ dùng trong gia đình được sử dụng rộng rãi, phục vụ tốt cho nhu cầu đời sống hàng ngày của nhân dân. Đánh giá công tác hơn 10 năm thực hiện cuộc vận động toàn dân tích cực xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, xã Tân Thới Nhì đã đạt được một số thành quả nhất định. Tuy nhiên, trong năm 2011 chỉ có ấp Tân lập được

công nhận áp văn hóa, chiếm tỷ lệ 12,5%; áp Thống Nhất 1 và áp Nhị Tân 2 được đánh giá là áp tiên tiến.

d) Cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

- Hiện xã có 3 trạm cấp nước tại áp Nhị Tân 2 và áp Tân Lập với khả năng cấp nước được khoảng 700. Số hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh: 6.571/6.571 đạt (100%), trong đó có 680 hộ dùng nước nhà máy cung cấp, 5.891 hộ dùng nước giếng khoan khai thác mạch nước ngầm. Hàng năm lấy mẫu nước xét nghiệm vẫn chưa phát hiện nhiễm khuẩn.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất chưa đạt chuẩn môi trường: khoảng 5,8% (khoảng 10 công ty). Hiện nay kênh An Hạ, kênh Thầy Cai, kênh Trung Ương đang bị ô nhiễm nghiêm trọng. Nguyên nhân là các cơ sở sản xuất hoạt động xả nước thải sản xuất không qua xử lý xuống kênh, đã làm ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động nuôi trồng của người dân và làm ô nhiễm môi trường. Việc xả rác bừa bãi không đúng nơi quy định dẫn đến tình trạng ô nhiễm nghiêm trọng các con kênh trên, ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước mặt.

- Tỷ lệ hộ có đủ 3 công trình (nhà tắm, hồ xí, bể nước) đạt chuẩn: đạt 100%. Tỷ lệ hộ có cơ sở chăn nuôi đạt tiêu chuẩn về môi trường: 30%. Phương thức xử lý chất thải: dùng hầm biogas để ủ chất thải tạo chất khí phục vụ đun nấu.

- Hàng năm xã tổ chức các hoạt động tuyên truyền giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp: hưởng ứng tuần lễ quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường, ngày môi trường thế giới, ra quân ngày chủ nhật xanh định kỳ, đăng ký các tuyến đường không rác do mỗi đoàn thể phụ trách....

- Nghĩa trang: Không có quy hoạch nghĩa trang liệt sĩ, nghĩa trang nhân dân. Hiện nay trên địa bàn huyện đã có quy hoạch nghĩa trang tập trung, định hướng người dân của xã chôn cất người thân ở nghĩa trang huyện. Xây dựng nghĩa trang theo quy hoạch chung của huyện Hóc Môn.

- Chất thải rắn được thu gom và xử lý theo quy định. Trên địa bàn xã có 1 tổ thu gom và xử lý rác dân lập với 09 tổ viên, phương tiện thu gom rác dân lập có 8 xe ba gác máy. Phương thức hoạt động: thu gom rác sinh hoạt ở khu dân cư đưa về bãi trung chuyên. Tỷ lệ hộ dân đăng ký đổ rác dân lập đạt 60%.

- Nhìn chung nước thải công nghiệp xả ra ngoài môi trường của các đơn vị sản xuất đáp ứng được yêu cầu, chiếm tỷ lệ 87% (năm 2012) (theo QCVN 40:2011/BTNMT).

Tuy nhiên trên địa bàn xã còn một số hộ chăn nuôi và cơ sở sản xuất kinh doanh chưa tuân thủ các quy định về môi trường. Trong thời gian tới, chính quyền địa phương cố gắng kiểm tra nhằm giảm thiểu thấp nhất ô nhiễm môi trường; tập trung kiểm tra mạnh hơn tại các cơ sở sản xuất - kinh doanh, đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tập huấn về phương pháp và cách thức thực hiện bảo vệ môi trường cho dân thông qua các lớp: Hướng dẫn sử dụng nước hợp vệ sinh, cách thức xử lý rác hợp vệ sinh.

5. Hệ thống chính trị - xã hội

a) Hiện trạng đội ngũ cán bộ, công chức xã so với chuẩn

Số lượng cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách của Ủy ban nhân dân xã được giao năm 2013 là 50 người: trong đó có 25 cán bộ và công chức, 25 cán bộ không chuyên trách. Số lượng hiện có tính đến tháng 02 năm 2013 là 10 cán bộ, 13 công chức, 23 cán bộ không chuyên trách.

Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, công chức xã:

+ Trình độ đại học: 14 người

+ Trình độ trung cấp: 9 người

Về trình độ lý luận chính trị của cán bộ, công chức xã:

+ Trình độ cao cấp: 2 người

+ Trình độ trung cấp: 8 người

Số lượng cán bộ, công chức đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đạt tiêu chuẩn quy định tại Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn: 23/23 người.

b) Tình hình hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở

- Xã có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định. Hoạt động của các đoàn thể - Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) đang hướng đi vào thực chất, chăm lo và đại diện được quyền lợi nhân dân, là kênh chuyển tải những ý kiến của nhân dân đến Đảng ủy - UBND xã.

- Hàng năm các đơn vị MTTQ - Đoàn thể đều xếp loại Xuất sắc theo đánh giá của ngành dọc và kiểm tra của Thành phố.

- Tình hình hoạt động của hệ thống chính trị:
- + Toàn xã có 8 ấp với 117 tổ nhân dân.
- + Hội Cựu chiến binh có 178 hội viên trong đó có 57 hội viên là đảng viên.
- + Hội Nông dân có 1.230 hội viên trong đó có 9 hội viên là đảng viên.
- + Hội Phụ nữ có 4.479 hội viên.
- + Đoàn thanh niên có 377 đoàn viên, 938 hội viên.
- + Hội Chữ thập đỏ có 300 hội viên.
- + Hội Người cao tuổi có 1.332 hội viên.

- Trong công tác lãnh đạo, Đảng ủy xã đã thường xuyên quan tâm lãnh đạo thực hiện các Nghị quyết của Đảng ủy và chỉ tiêu cấp trên, thường xuyên nắm bắt thông tin từ cán bộ, nhân dân thông qua các buổi giao ban, sinh hoạt Chi bộ, ấp, tổ nhân dân, qua đó kịp thời lãnh đạo và giải quyết các vấn đề đề xuất của nhân dân. UBND luôn thực hiện tốt cải cách hành chính, bước đầu đem lại hiệu quả, giảm phiền hà nhân dân, hiệu quả và hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực luôn được quan tâm thực hiện tốt trải đều ở 8/8 ấp trên địa bàn xã.

c) Tình hình trật tự xã hội - an ninh trên địa bàn

- Duy trì công tác tuần tra trấn áp tội phạm, tập trung xử lý, quản lý đối tượng trọng điểm. Tình hình về phạm pháp hình sự; Công tác tấn công trấn áp tội phạm, xử lý đối tượng; Tệ nạn xã hội; trật tự giao thông đều được kiểm soát tốt.

- Tình hình an ninh chính trị luôn giữ vững, trật tự an toàn xã hội luôn ổn định.

- Hoàn thành các chỉ tiêu đăng ký nghĩa vụ quân sự, chỉ tiêu giao quân đạt 100%, quản lý chặt chẽ quân dự bị, xây dựng lực lượng dân quân đảm bảo về chất lượng và số lượng.

Phần II

NỘI DUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI XÃ TÂN THỜI NHÌ - HUYỆN HÓC MÔN ĐẾN NĂM 2015

I. MỤC TIÊU THỰC HIỆN ĐẾN NĂM 2015

1. Mục tiêu chung

Xây dựng xã Tân Thới Nhì trở thành một xã nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Mục tiêu cụ thể

Hoàn thành 19/19 tiêu chí về nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới theo từng giai đoạn cụ thể:

+ Năm 2012: xã đạt 6/19 tiêu chí (Tiêu chí: 4, 8, 12, 13, 18, 19);

+ Năm 2013: Phần đầu đạt 8/19 tiêu chí (thêm 2 tiêu chí: 1, 3);

+ Năm 2014: Phần đầu đạt 13/19 tiêu chí (thêm 5 tiêu chí: 2, 6, 9, 16, 17);

+ Năm 2015: Phần đầu đạt 19/19 tiêu chí (thêm 6 tiêu chí: 5, 7, 10, 11, 14, 15).

* Nội dung thực hiện cụ thể gồm:

- Hoàn thành quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch hạ tầng kinh tế xã hội, khu dân cư (giúp cho người dân ổn định sản xuất, đảm bảo cho người dân có nơi đổ rác thải, nơi chôn cất đúng quy định, chỉnh trang khu dân cư, cải thiện bộ mặt nông thôn).

- Thu nhập bình quân đầu người/năm tăng gấp từ 1,8 đến 2 lần so với trước khi xây dựng đề án (19.368.000 đồng/người/năm).

- Cơ cấu kinh tế theo hướng: Công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp - Thương mại, dịch vụ - Nông nghiệp theo tỷ lệ: 37% - 56% - 7%. Cơ cấu lao động trong lĩnh vực nông nghiệp: tỷ lệ lao động trong độ tuổi làm việc trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp giảm bình quân hàng năm từ 5 - 10% trên tổng số lao động nông nghiệp. Đào tạo nghề cho 300 lao động/năm.

- Tỷ lệ theo chuẩn thành phố (dưới 12 triệu đồng/người/năm): giảm bình quân 2 - 3%/năm, đến năm 2015 giảm dưới 2%.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã là trên 12%/năm trong giai đoạn (năm 2011 - 2015).

- Chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị hiệu quả cao, an toàn vệ sinh dịch bệnh.

- Xây dựng mạng lưới giao thông nông thôn với chất lượng bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản.

- Nạo vét, đắp bờ bao một số tuyến kênh nội đồng đảm bảo việc tưới tiêu cho khu vực cánh đồng bung thuộc 2 ấp Tân Lập và Nhị Tân 2.

- Kiên cố hóa trường, lớp, hoàn thiện các điều kiện về cơ sở vật chất trong hệ thống trường học, tiến tới hiện đại hóa các phương tiện dạy học.

- Duy trì và phát triển đời sống văn hóa ở nông thôn với 6/8 ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa, chiếm tỷ lệ 75%; tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 98%.

II. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Quy hoạch

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 1 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới vào năm 2013.

+ Nội dung:

Thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới theo Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTNMT ngày 28 tháng 10 năm 2011 của Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới.

Tuân thủ theo Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung huyện Hóc Môn, cập nhật các đồ án quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/2000 trên địa bàn xã đã được phê duyệt; theo đó phân bố dân số, chức năng sử dụng đất, các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội qua các giai đoạn phát triển phù hợp với định hướng quy hoạch xây dựng, định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

2. Công tác phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Giao thông

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 2 trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới vào năm 2014, cụ thể: tập trung phát triển đồng bộ và bền vững mạng lưới giao thông của xã.

+ Nguyên tắc đầu tư:

- Ưu tiên đầu tư các đường giao thông liên xã, đường giao thông trục chính kết nối mạng lưới giao thông với quốc lộ, tỉnh lộ hoặc trục đường chính của huyện để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tạo sự thu hút đầu tư trên địa bàn xã.

- Thực hiện quy mô đầu tư theo Quyết định số 315/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 02 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.

- Trường hợp mặt đường hiện trạng lớn hơn theo quy định của Quyết định số 315/QĐ-BGTVT thì thực hiện đầu tư theo hiện trạng.

+ Nội dung thực hiện:

- Từ nay đến năm 2015 xây dựng hệ thống giao thông nông thôn hiện đại, chất lượng bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản, góp phần giảm khoảng cách chênh lệch về kinh tế cũng như trình độ dân trí giữa nông thôn và thành thị.

- Tập trung phát triển đồng bộ và bền vững mạng lưới giao thông của xã, bảo đảm nối các đường giữa các xã hay từ trung tâm hành chính xã tới các ấp được nhựa hóa hay bê tông hóa đạt chuẩn kỹ thuật; đường trục nối giữa các ấp, xóm được cứng hóa đạt chuẩn kỹ thuật; đường liên tổ nối giữa các tổ trong ấp, liên tổ sạch và không lầy lội vào mùa mưa. Đường liên ấp và trục ấp: Nâng cấp đường có hiện trạng kết cấu nền đất và đường cấp phối sỏi đỏ lên bê tông nhựa nóng, láng nhựa với tổng chiều dài: 9,400 km (12 tuyến); đường giao thông ngõ xóm: Nâng cấp đường có hiện trạng kết cấu nền đất, đá 0,4 lên bê tông xi măng với tổng chiều dài: 9,223 km (85 tuyến).

b) Thủy lợi

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 3 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới vào năm 2013.

+ Nội dung thực hiện: Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các công trình thủy lợi, công trình thủy lợi kết hợp giao thông nội đồng đảm bảo cung cấp nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất trên địa bàn xã, gồm:

- Khai thông dòng chảy, đắp bờ bao kết hợp giao thông nội đồng một bên mặt đường cấp phối đá dăm rộng bình quân 2,2 m; xây cống nối, gồm:

+ 6 tuyến kênh với tổng chiều dài: 10.707 m;

+ 2 cống nối kênh dẫn Trạm bơm dài: 30 m.

c) Điện

+ Mục tiêu: Duy trì, nâng chất tiêu chí số 4 trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

+ Nội dung: Duy trì, hoàn thiện hệ thống các công trình đảm bảo cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn xã; 100% số hộ dân được sử dụng điện thường xuyên.

- Xây mới 16 trạm biến thế (đơn giá 300,0 triệu đồng/trạm).
- Trạm tăng cường chiếu sáng: 7 trạm - công suất: 1.284 KVA.
- Xây dựng mới 2,09 km và cải tạo 1,82 km hệ thống đường dây trung thế.
- Xây dựng mới 5 km đường dây hạ thế
- Xây lắp mới 200 và cải tạo 175 bóng đèn chiếu sáng.

d) Trường học

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới vào năm 2015;

+ Nội dung: Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về giáo dục trên địa bàn xã. Đến năm 2015, trường học cấp mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở được đầu tư nâng cấp đạt chuẩn quốc gia. Gồm:

- Bồi thường, giải phóng mặt bằng Trường Tiểu học Nhị Tân.
- Triển khai xây dựng 1 Trường Tiểu học Lý Chính Thắng 2 đạt chuẩn và triển khai công tác bồi thường giải phóng mặt bằng Trường Tiểu học Nhị Tân.
- Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Nhị Tân hiện hữu để đảm bảo nhu cầu học tập: nâng cấp, cải tạo 1 điểm chính và 3 phân hiệu.
- Xây mới 2 phòng học, cải tạo 5 phòng chức năng và trang thiết bị; thay mái tole chống dột, sơn tường, thay nền cho Trường Mầm non Hướng Dương.

đ) Cơ sở vật chất văn hóa

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 6 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới vào năm 2014.

+ Nội dung:

- Xây mới văn phòng kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa Ban nhân dân ấp Thống Nhất 1.
- Nâng cấp, cải tạo văn phòng Ban nhân dân ấp Thống Nhất 2 (Tụ điểm sinh hoạt văn hóa tại Trung tâm Văn hóa Thể thao xã).

- Nâng cấp, cải tạo văn phòng Ban nhân dân ấp Dân Thắng 1 (Tụ điểm sinh hoạt văn hóa tại Trung tâm Văn hóa Thể thao xã).

- Xây mới văn phòng kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa Ban nhân dân ấp Dân Thắng 2.

- Nâng cấp, cải tạo văn phòng kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa Ban nhân dân ấp Nhị Tân.

- Nâng cấp, cải tạo văn phòng Ban nhân dân ấp Nhị Tân 1 (Sửa chữa, cải tạo Phân hiệu 2 Trường Tiểu học Nhị Tân làm tụ điểm sinh hoạt văn hóa).

- Nâng cấp, cải tạo văn phòng Ban nhân dân ấp Nhị Tân 2 (Sửa chữa, cải tạo Phân hiệu 4 Trường Tiểu học Nhị Tân làm tụ điểm sinh hoạt văn hóa).

- Nâng cấp, cải tạo văn phòng kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa Ban nhân dân ấp Tân Lập.

- Xây mới Trung tâm Văn hóa Thể thao xã đạt chuẩn.

e) Chợ

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 7 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới vào năm 2015.

+ Nội dung: Xây dựng mới Trung tâm thương mại tại ấp Dân Thắng 1 đáp ứng nhu cầu mua bán của dân cư.

h) Bru chính - viễn thông

+ Mục tiêu: Duy trì đạt và nâng chất tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung: Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường dây thông tin đáp ứng nhu cầu trao đổi thông tin, liên lạc của dân cư nông thôn.

g) Nhà ở dân cư

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới vào năm 2014.

+ Nội dung: cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 10 căn nhà tạm bợ và vận động nhân dân cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà ở xuống cấp thành đạt chuẩn.

3. Phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất

a) Chuyên dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 10 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới vào năm 2015:

- Thu nhập bình quân đầu người/năm tăng gấp từ 1,5 đến 1,8 lần so với khi xây dựng đề án.

- Cơ cấu kinh tế theo hướng: Công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp - Thương mại, dịch vụ - Nông nghiệp

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn thành phố (dưới 12 triệu đồng/người/năm): giảm bình quân 3%/năm; phấn đấu đến cuối năm 2015 còn < 2%.

- Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị hiệu quả cao, an toàn vệ sinh dịch bệnh.

+ Nội dung:

- Phát triển các loại hình thương mại dịch vụ trên địa bàn xã: Phát triển các loại hình thương mại dịch vụ như: ăn uống, mua bán trao đổi hàng hóa, dịch vụ bưu chính, viễn thông, thương mại điện tử, sửa chữa cơ khí, nhà hàng,... gắn phát triển với quy hoạch ổn định, văn minh.

- Phát triển các loại hình tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn xã: Các loại hình về dệt may, thủ công mỹ nghệ, đan lát, lưới,...

- Về trồng trọt:

+ Phát triển loại hình hoa, cây kiểng: Quy mô dự kiến khoảng 5 ha đến năm 2015, chuyển từ diện tích đất trồng lúa, vườn tạp, trồng cỏ kém hiệu quả. Loại hình điển hình của nông nghiệp sinh thái đô thị, cung cấp sản phẩm nông nghiệp cao cấp cho nhu cầu sinh hoạt, giải trí cho cư dân thành phố. Các chủng loại thường gặp ở mô hình này là: Mai vàng (mai ghép nhiều màu, mai tai giáo ...), Bon sai, gồm một số loại như cùm rùm, tắc, khế, mai, cần thăng...; Kiểng lớn như mai chiếu thủy, kiểng lá...; Hoa cao cấp như lan cắt cành Mokara, Dendrobium, hoa hồng; các loại cá cảnh có giá trị cao. Loại hình sản xuất này không cần nhiều đất, nhưng đòi hỏi chủ hộ phải nắm vững kỹ thuật chiết ghép, trồng, chăm sóc hoa kiểng, nuôi cá cảnh tinh tế thẩm mỹ, nhạy bén với thị trường. Để có thu nhập khoảng 150 - 170 triệu đồng/năm, chỉ cần khoảng 500m² đất với tổng vốn (lưu động, cố định) khoảng 50 - 70 triệu đồng. Đặc trưng của mô hình là không gây ô nhiễm, mà còn góp phần làm cho cảnh quan môi trường ngày càng thêm sắc màu sạch đẹp, là những đặc điểm ưu việt của loại mô hình này.

- Phát triển trồng các loại rau, rau an toàn theo tiêu chuẩn Viet GAP: Quy mô dự

kiến 20 ha. Mỗi mô hình đầu tư khoảng 10 - 15 triệu đồng cho việc lên líp, cải tạo đồng ruộng. Mô hình cần liên kết nhiều hộ trồng rau trên một địa bàn lại với nhau nhằm góp sức giải quyết đầu vào, đầu ra cho sản phẩm.

- Với khoảng 10 vụ bình quân hàng năm, rau an toàn sẽ cho thu nhập khoảng 25 triệu đồng/1000m²/năm nghĩa là 250 triệu đồng/ha/năm. Một nguồn thu rất lớn so với một số cây trồng, vật nuôi khác; chưa kể mỗi mô hình có thể giải quyết từ 5 - 7 lao động (nhà, thuê khoán) góp phần đem lại công ăn việc làm cho xã hội.

+ Mô hình chăn nuôi heo công nghệ cao trên địa bàn xã (mô hình VAC kết hợp BIOGAS). Dự kiến giảm tổng đàn xuống khoảng 3.000 con.

+ Mô hình chăn nuôi bò sữa để khai thác lợi thế về đồng cỏ: Đưa đàn bò sữa đạt 970 con vào năm 2015, với năng suất 4.000 - 5.000 kg sữa/chu kỳ. Diện tích trồng cỏ: 5 ha.

+ Các mô hình nuôi thủy đặc sản khác: Quy mô dự kiến khoảng 2 ha. Nhằm khai thác các lợi thế hiện có về điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội của xã, tận dụng đất đai, lao động, thị trường.

b) Giảm nghèo và an sinh xã hội

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 11 của Bộ tiêu chí quốc gia và phù hợp với Bộ tiêu chí của thành phố vào năm 2015.

+ Nội dung thực hiện:

- Tiếp tục triển khai chương trình giảm nghèo giai đoạn 3 của thành phố đạt thu nhập trên 12 triệu/người/năm vào năm 2015 và giảm tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2015 xuống còn 2%.

- Tiếp tục thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng chính sách xã hội; hỗ trợ người lao động mất việc làm trong doanh nghiệp gặp khó khăn do suy giảm kinh tế; hỗ trợ kinh phí xóa nhà dột nát cho người nghèo; khám chữa bệnh cho người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi; chính sách cho người có công...

- Tăng cường thực hiện chức năng giám sát phản biện xã hội của các tổ chức chính trị - xã hội, góp phần đảm bảo các chính sách an sinh xã hội của Nhà nước thực sự hỗ trợ được người nghèo và các đối tượng chính sách.

c) Tỷ lệ lao động có việc làm

+ Mục tiêu: Duy trì đạt yêu cầu tiêu chí số 12 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung: Đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn, thúc đẩy đưa công nghiệp vào nông thôn, giải quyết việc làm và chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn, gồm:

- Ban quản lý xã liên kết chặt chẽ với trường dạy nghề trên địa bàn huyện để có kế hoạch đào tạo nghề và tạo việc làm cho người nông dân có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn xã, góp phần ổn định cuộc sống với phương châm nghề hướng đến cung cho các doanh nghiệp, các khu công nghiệp đóng trên địa bàn xã hay các địa bàn lân cận. Từng bước chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang các ngành phi nông nghiệp.

- Thực hiện lồng ghép các chương trình dạy nghề cho nông dân biết về quản lý kinh tế, vững về kỹ thuật, khả năng tiếp thị; cán bộ xã giỏi về phát triển nông thôn, là nòng cốt góp phần quan trọng trí thức hóa nông thôn.

- Các chỉ tiêu cụ thể: đào tạo nghề cho khoảng 1.000 lao động (bằng các hình thức hỗ trợ đào tạo nghề, vận động lao động tự đi học):

+ Giải quyết việc làm cho 300 lao động/năm;

+ Đào tạo nghề cho nông dân: 60% nông dân được trang bị kiến thức nông nghiệp và quản lý kinh tế hộ gia đình.

d) Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn

+ Mục tiêu: Duy trì, nâng chất tiêu chí số 13 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung:

* Nội dung 1: Phát triển kinh tế hộ, trang trại, hợp tác xã. Đến năm 2015 sẽ có 3 tổ hợp tác làm ăn có hiệu quả về sản xuất nông nghiệp và ngành nghề.

* Nội dung 2: Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn. Mở rộng hợp đồng tiêu thụ nông sản, phấn đấu đến năm 2015 có 60% sản phẩm tiêu thụ thông qua các hợp đồng kinh tế ổn định.

* Nội dung 3: Thực hiện chính sách thúc đẩy liên kết kinh tế giữa các loại hình kinh tế ở nông thôn: Liên hiệp hợp tác xã cùng ngành nghề, liên tổ hợp tác, liên kết doanh nghiệp với hợp tác xã, tổ hợp tác...

4. Văn hóa, xã hội và môi trường

a) Giáo dục

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 14 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới vào năm 2015.

+ Nội dung: Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, gồm:

- Bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất, thực hiện dạy đủ các môn học của chương trình.

- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học cơ sở hàng năm đạt 100%

- Tỷ lệ thanh, thiếu niên từ 15 đến hết 18 tuổi có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở cả hai hệ đạt 100%.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) đạt 95%.

- Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70% (trong đó có 40% lao động nữ): vận động lao động tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng dạy nghề ngắn hạn hoặc đào tạo dài hạn (chính quy và không chính quy), được cấp các loại chứng chỉ, văn bằng như: chứng chỉ học nghề, bằng trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề, cao đẳng nghề, cao đẳng và đại học...

- Xóa mù chữ đạt chuẩn theo quy định của ngành giáo dục.

b) Y tế

+ Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 15 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới năm 2015.

+ Nội dung:

- Xây dựng mới trạm y tế đạt chuẩn.

- Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trong lĩnh vực về y tế, đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Vận động nâng tỷ lệ của người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế đạt trên 75%.

c) Xây dựng đời sống văn hóa phong phú lành mạnh

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 16 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới năm 2014.

+ Nội dung:

* Nội dung 1: Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

Xã có từ 70% số ấp trở lên đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa theo Quy chế công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “ấp văn hóa” ban hành kèm theo Quyết định số 62/2006/QĐ-BVHTT ngày 23 tháng 6 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

* Nội dung 2: Thực hiện thông tin và truyền thông nông thôn, đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Đến năm 2015, 100% ấp đạt tiêu chuẩn.

- Xây dựng quy ước hoạt động của tổ nhân dân, khu dân cư về nếp sống văn hoá nông thôn, tập trung vào việc cưới, tang, chống mê tín dị đoan và tệ nạn xã hội, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Triển khai từng bước nâng cao chất lượng các phong trào: gia đình văn hóa, ấp văn hóa, gương người tốt, việc tốt.

- Xã hội hoá Trung tâm văn hóa thể dục thể thao, tụ điểm văn hóa tại các ấp trên cơ sở chọn lọc những loại hình phù hợp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động các dịch vụ phục vụ cộng đồng, thông tin địa phương.

d) Cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới vào năm 2014; duy trì và nâng chất nước sinh hoạt sạch và hợp vệ sinh cho dân cư, trường học, trạm y tế, công sở và các khu dịch vụ công cộng; thực hiện các yêu cầu về bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái trên địa bàn xã.

+ Nội dung:

* Nội dung 1: Tiếp tục thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Tiếp tục hỗ trợ, vận động các hộ sử dụng nước máy.

* Nội dung 2: Xây dựng các công trình bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn xã, ấp theo quy hoạch, gồm: xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước trong ấp, tổ; xây dựng các điểm thu gom, xử lý rác thải ở xã; cải tạo, xây dựng các ao, hồ sinh thái trong khu dân cư, phát triển cây xanh ở các công trình công cộng v.v..

- Nước thải từ các cơ sở sản xuất, khu công nghiệp ở nông thôn, dịch vụ công cộng, khu dân cư sẽ được xử lý cục bộ; các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường; không có hoạt động làm suy giảm môi trường; chất thải được thu gom, xử lý theo quy định. Nâng tỷ lệ hộ dân có hố xí tự hoại đạt 100% (năm 2015), số hộ chăn nuôi sử dụng biogas giải quyết chất thải chăn nuôi đạt 100% (năm 2015).

- Tỷ lệ hộ đăng ký đổ rác dân lập trên 85%.

- Trong 5 năm trồng mới khoảng 3.000 cây xanh (các tuyến đường chính, liên ấp).

5. Hệ thống chính trị và an ninh trật tự xã hội

a) Nâng cao chất lượng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội:

+ Mục tiêu: Duy trì, nâng chất tiêu chí số 18 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung:

- Nội dung 1: Tổ chức đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công chức đạt chuẩn để không ngừng nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới. Cán bộ xã đạt chuẩn phải đảm bảo tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức cấp xã và phải hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao quy định tại Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và Thông tư số 06/2012/TT-BTV ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn.

- Nội dung 2: Thu hút cán bộ trẻ đã được đào tạo, đủ tiêu chuẩn về công tác ở xã để nhanh chóng chuẩn hoá đội ngũ cán bộ xã;

- Nội dung 3: Bổ sung chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức trong hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

b) Giữ vững an ninh, trật tự xã hội

+ Mục tiêu: Duy trì, nâng chất tiêu chí số 19 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung:

* Nội dung 1: Thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng và ban hành nội quy, quy ước các mô hình tự quản về an ninh trật tự, an ninh; phòng chống tội phạm, các tệ nạn xã hội và trật tự giao thông đô thị.

Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và các hội quần chúng tại cơ sở. Các tổ chức đoàn thể tăng cường công tác vận động tuyên truyền hội viên, đoàn viên làm nòng cốt trong phong trào xây dựng nông thôn mới.

* Nội dung 2: Nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền cơ sở; vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Quan tâm công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân; kịp thời, dứt điểm đúng quy định của pháp luật, không để tình trạng khiếu kiện phức tạp đông người xảy ra.

III. DỰ KIẾN KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

A. Tổng kinh phí đầu tư, hỗ trợ để thực hiện Đề án nông thôn mới xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, dự kiến: 490.820 triệu đồng, gồm:

1. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản: 368.263 triệu đồng (chiếm 75,03%).
2. Vốn sự nghiệp hỗ trợ cho các hoạt động trên địa bàn xã: 122.557 triệu đồng (chiếm 24,97%).

B. Nguồn vốn:

1. Vốn từ Ngân sách nhà nước: 281.059 triệu đồng, chiếm 57,26%; trong đó:
 - + Vốn Nông thôn mới: 165.302 triệu đồng, chiếm 33,68%.
 - + Vốn lồng ghép: 115.757 triệu đồng, chiếm 23,58%; chia ra:
 - * Vốn ngân sách tập trung: 94.500 triệu đồng;
 - * Vốn phân cấp huyện: 0 triệu đồng;
 - * Vốn sự nghiệp: 21.257 triệu đồng (dự kiến bố trí thực hiện từ nguồn vốn sự nghiệp hàng năm của các ngành).
2. Vốn cộng đồng đóng góp: 184.161 triệu đồng, chiếm 37,52%; trong đó:
 - + Vốn dân: 143.834 triệu đồng;
 - + Vốn doanh nghiệp: 40.327 triệu đồng;
3. Vốn vay tín dụng: 25.600 triệu đồng, chiếm 5,22%.
 - * Vốn đầu tư các nguồn được xác định cụ thể theo chương trình, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Phần III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện đề án: từ nay đến năm 2015.
2. Qui mô và khối lượng thực hiện: theo các biểu đính kèm.

3. Phương châm và nguyên tắc đầu tư, hỗ trợ

- Phát huy nội lực của địa phương là chính, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ sự hỗ trợ của Trung ương và Thành phố, đáp ứng nhu cầu đầu tư, giúp đỡ của các doanh nghiệp.

- Phát huy dân chủ, công khai trong cộng đồng dân cư, khẩn trương, đồng bộ và chặt chẽ trong thủ tục hành chính và đầu tư.

a) Cơ chế huy động và quản lý các nguồn vốn

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện Thông tư số 72/2010/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về quản lý sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư tại 11 xã thực hiện Đề án “Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa”;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2020.

b) Quản lý đầu tư và xây dựng

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2020.

4. Phân công thực hiện

a) Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Ủy ban nhân dân xã Tân Thới Nhì, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tân Thới Nhì:

- Tập trung triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân, Đảng viên, cán bộ, công chức quán triệt chủ trương của Trung ương và Thành phố về chương trình xây dựng mô hình nông thôn mới tại xã; vận động cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp và nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia và đóng góp hỗ trợ để thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Thực hiện theo đúng nội dung của Đề án được phê duyệt, không được thay đổi nội dung của Đề án khi chưa được chấp thuận của Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.

- Phân công các Phòng, ban, đơn vị chức năng của huyện, cán bộ chuyên môn của xã tham gia, hỗ trợ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tân Thới Nhì xây dựng kế hoạch tổng thể thực hiện đề án giai đoạn 2012 - 2015, xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm đảm bảo tiến độ và mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo đúng quy định hướng dẫn của pháp luật hiện hành.

b) Các Sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố:

- Phân công cán bộ, công chức theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn chuẩn bị và thực hiện, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí của ngành trên địa bàn xã.

- Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu của Trung ương và Thành phố do Sở, ngành phụ trách trên địa bàn xã.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã Tân Thới Nhì và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tân Thới Nhì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo Đề án được phê duyệt.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn, hoàn tất thẩm định quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch hạ tầng thiết yếu (theo phân công, phân cấp) của huyện Hóc Môn và xã Tân Thới Nhì; tổ chức giám sát việc công bố, công khai các quy hoạch được phê duyệt.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tân Thới Nhì cân đối, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết và bố trí vốn ngân sách tập trung, vốn phân cấp hàng năm (2012 - 2015), đảm bảo tiến độ đầu tư, hoàn thành các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Tân Thới Nhì.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tân Thới Nhì, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung, giao kế hoạch kinh phí sự nghiệp chi thường xuyên để thực hiện các hoạt động, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Tân Thới Nhì.

c) Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình, dự án, các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Tân Thới Nhì, huyện

Học Môn; định kỳ hàng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện; tham mưu, đề xuất, giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để thành phố tổ chức sơ kết hàng năm, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà